TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **23**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2023
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lợi.

Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Long Hồ - Thư ký Tòa án.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 523/2022/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 118, ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Th, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 29/8/2022, bản tự khai ngày 05/12/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 26/12/2022, nguyên đơn chị L trình bày như sau:*

Chị và anh Th quen biết nhau, tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre vào năm 2020. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, anh Th không chăm lo cho gia đình nên dần dần tình cảm

vợ chồng phai nhạt nên chị và anh Th đã ly thân. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho anh Th các văn bản tố tụng nhưng anh Th vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Th.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Th cưới nhau vào năm 2020 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th được công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Th không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời anh Th để hòa giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Th không đến dự, cho thấy anh Th không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với chị L, chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Th. Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm chứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:* Chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0010234 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt theo quy định pháp luật.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng